

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh Ph**

Bản án số: 02 /2019/DS-ST

Ngày: 17/01/2019

V/v tranh chấp dân sự, vay
tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Huy;

2. Bà Huỳnh Ánh Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 158/2018/ TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc “*tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn N (B), sinh năm 1974; địa chỉ: số 346, Trường F, tổ 18, khóm H, phường C thành phố D, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Lê Văn Ph, sinh năm 1970, địa chỉ: tổ 9, khóm T, phường V, thành phố D, tỉnh An Giang.

Các đương sự ông N, ông Ph có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ông Trịnh Văn N trình bày: Ngày 13/3/2017 ông N cho ông Ph vay 12.000.000 đồng để có vốn làm ăn, thỏa thuận góp mỗi ngày 50.000 đồng trong thời hạn 8 tháng, bắt đầu từ ngày 23/03/2017 đến hết ngày 23/11/2017. Nhưng ông Ph chỉ trả được 5.000.000

đồng vào ngày 01/02/2018 thì ngưng. Ông N khởi kiện yêu cầu ông Ph trả số tiền còn lại 7.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh ông N nộp: Bản chính giấy vay nhận nợ ghi ngày 13/3/2017 có nội dung ông Ph vay của ông N 12.000.000 đồng trả góp mỗi ngày 50.000 đồng trong thời hạn 8 tháng, bắt đầu từ ngày 23/3/2017 đến ngày 23/11/2017 là dứt.

Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 16/7/2018, ông Lê Văn Ph trình bày: Tôi và ông N có quan hệ là bạn bè, năm 2015 tôi có hỏi vay của ông N 6.000.000 đồng để làm vốn mua bán, thỏa thuận lãi 90.000đồng/1.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay là 12 tháng, tôi có viết biên nhận ông N giữ, quá trình vay tôi thực hiện việc trả lãi đầy đủ, hai bên không ghi sổ sách, không làm biên nhận nhận tiền lãi. Đến hạn thanh toán tôi không khả năng trả vốn nên đề nghị ông N cho đóng lãi tiếp tục thêm 05 tháng thì ngưng. Sau đó tôi thiếu 04 tháng chưa đóng lãi thì ông N cộng tiền lãi với vốn là 8.000.000 đồng, không làm biên nhận, tôi cũng chấp nhận, hai bên thỏa thuận mức lãi suất như cũ, đóng lãi được 02 tháng, tôi thiếu tiền lãi 03 tháng, ông N cộng vốn lãi lên 10.000.000 đồng, thỏa thuận vốn , lãi là 12.000.000 đồng góp mỗi ngày 50.000 đồng trong thời hạn 9 tháng, tôi chấp nhận và ký tên vào biên nhận ngày 13/3/2017 do ông N lập sẵn, tôi thực hiện việc góp hàng ngày được 5.000.000 đồng thì ngưng, tôi bị bệnh không chạy xe được nên mất khả năng góp. Hiện tôi còn nợ ông N 7.000.000 đồng, tôi xác định chữ ký và chữ viết họ, tên trong biên nhận do ông N nộp cho tòa án đúng là của tôi.

Tại phiên hòa giải, các đương sự thống nhất ông Ph còn nợ ông N, 7.000.000 đồng nhưng không thống nhất phương thức thanh toán.

Tại phiên tòa,

Các đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác;

Ông Ph thừa nhận còn nợ ông N 7.000.000 đồng, hiện không khả năng thanh toán, xin trả mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi dứt do hoàn cảnh bị bệnh. Nhưng cho biết vốn vay từ ông N chỉ có 6.000.000 đồng, ông không có chứng cứ chứng minh.

Ông N vẫn giữ nguyên yêu cầu ông Ph trả đủ một lần cho 7.000.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu nào khác và không chấp nhận cho ông N trả dần mỗi tháng 300.000 đồng. Ngoài ra, ông N xác định vốn cho ông Ph vay lần đầu 7.000.000 đồng, lần thứ hai 3.000.000 đồng, do ông Ph không thực hiện trả lãi nên hai bên kết sổ và lập giấy vay nhận nợ ngày 13/3/2017 với số tiền vay 12.000.000 đồng, trong đó có cộng 2.000.000 đồng tiền lãi.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán

được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong quá trình giải quyết các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và tại phiên tòa nhận thấy: Việc ông N cho ông Ph vay tiền là có thật; trong quá trình thực hiện ông Ph vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó ông N khởi kiện yêu cầu ông Ph trả lại vốn vay và không yêu cầu tính lãi là có cơ sở chấp nhận. Bị đơn ông Ph cho rằng vốn vay 6.000.000 đồng thỏa thuận trả lãi 90.000 đồng, do không có tiền trả lãi đầy đủ nên ngày 13/3/2017 ông N cộng vốn lãi là 12.000.000 đồng và làm biên nhận nợ, sau đó ông góp được 5.000.000 đồng, hiện còn nợ ông N 7.000.000 đồng nhưng ông Ph không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc trả lãi. Do đó căn cứ các Điều 463 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn, và bị đơn cư trú tại thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Thời hiệu khởi kiện: Theo các đương trình bày cũng như chứng cứ là giấy nhận nợ thể hiện việc vay tiền có thời hạn thanh toán ngày 23/3/2017 đến ngày 23/11/2017, đã quá hạn thanh toán ông Ph không thực hiện đúng nghĩa vụ và phát sinh tranh chấp. Đến ngày 24/10/2018, ông N khởi kiện nên còn thời hiệu khởi kiện theo Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Hợp đồng vay giữa ông Trần Văn N với ông Lê Văn Ph được các bên giao kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

Chứng cứ chứng minh ông N cung cấp giấy vay nhận nợ ghi ngày 13/3/2017 được ông Ph thừa nhận nội dung cũng như xác định có ký tên.

[2] Về khoản nợ vốn, lãi:

Tại phiên họp và tại phiên tòa, các bên thống nhất ông Ph còn nợ và đồng ý trả cho ông N 7.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông Ph cho rằng vốn vay chỉ có 6.000.000 đồng và không có ý kiến khác, ngoài lời khai ông Ph không đưa ra được chứng cứ chứng minh và ông N không thừa nhận nên không có cơ sở xem xét.

Vốn vay và tiền lãi được xác định theo lời khai, chứng cứ của ông N, do đó ông Ph có trách nhiệm trả cho ông N khoản nợ còn lại 7.000.000 đồng.

[2] Về phương thức thanh toán:

Ông Ph có yêu cầu trả dần mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi dứt nợ, ông N không đồng ý nên không có cơ sở công nhận. Do đó, phương thức thanh toán sẽ được tiếp tục xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[3] Về án phí:

Bị đơn ông Ph có trách nhiệm trả khoản nợ nên phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ông N được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí hoàn trả cho ông N 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn N;

Buộc ông Lê Văn Ph có trách nhiệm trả cho ông Trịnh Văn N 7.000.000 đồng (Bảy triệu) đồng .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn Ph phải chịu 350.000 (ba trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trịnh Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông N 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2016/0007665 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Châu Đốc.

[3] Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử Ph thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TP (1);
- Viện KSND Tỉnh AG (1)
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TP (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Bích Thủy